TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày: 31 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Phới

Ông Lê Văn Đọt

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Thể - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2023/TLST- HS ngày 03 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh ngày 01/01/1975; tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C (chết) và bà Ngô Thị T (chết); vợ Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1979 (đã ly hôn); có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1997 và nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền sự: Không có; tiền án: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05 tháng 02 năm 2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

Bà Trần Thị T, sinh năm 1963 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Giang Bảo C, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

Ông Trần Tuấn T, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 12/11/2022, bị cáo Trần Văn H một mình đi đến nhà chị ruột tên Trần Thị T để phụ giúp việc nhà, đến nơi bị cáo Hậu phát hiện trên giường ngủ ở nhà trước có để 01 (một) cái bóp vải, màu đen xanh hồng, có nhiều hoa văn. Đến khoảng 20 giờ ngày 13/11/2022, bị cáo Hậu tiếp tục đến nhà bà T uống rượu với con bà T là anh Trần Tuấn T. Khi anh Thanh đang dọn thức ăn, lúc này bị cáo Hậu nhớ lại trên giường ngủ ở nhà trước của bà T có để cái bóp vải, màu đen xanh hồng, bị cáo cho rằng trong bóp có tài sản có giá trị nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm. Sau đó, bị cáo Hậu đi đến giường ngủ của bà T lén lút lấy trộm cái bóp cất giấu vào túi quần rồi lại bàn uống rượu với anh Thanh. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo Hậu nghỉ nhậu đi bộ về nhà và để cái bóp trên giường ngủ. Đến khoảng 09 giờ ngày 14/11/2022, bị cáo lấy bóp kiểm tra thấy bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và mệnh giá 500.000 đồng nên lấy toàn bộ số tiền này bỏ vào túi rồi đi mua rượu uống. Trên đường đi, do còn say rượu nên bị cáo có té ngã nhiều lần, ở nhiều nơi và làm mất hết số tiền này.

Khoảng 07 ngày sau (không nhớ rõ ngày cụ thể), bị cáo Hậu kiểm tra trong bóp thấy có 02 (hai) giấy biên nhận cầm đồ gồm: 01 (một) giấy ghi tên tiệm vàng Thanh Phương và 01 (một) giấy ghi tên tiệm vàng Kim Châu, cùng địa chỉ ở thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Sau đó, bị cáo đến tiệm vàng Thanh Phương tại Khóm 5, thị trấn C, huyện C, yêu cầu được bán số vàng ghi trên giấy nhưng chủ tiệm vàng không đồng ý do bị cáo không phải là chủ ghi trên giấy cầm đồ, bị cáo Hậu tiếp tục đi đến tiệm vàng Kim Châu gặp ông Giang Bảo C là chủ tiệm vàng, yêu cầu bán 02 (hai) nhẫn vàng 18kara, loại nhẫn kiểu gắn hột nhựa màu xanh, có tổng trọng lượng 01 chỉ 04 phân 03 ly, ghi trên giấy cầm đồ. Qua kiểm tra, ông Cường thống nhất mua 02 (hai) nhẫn vàng này, trừ lại số tiền đã thế chấp trước đó cùng với tiền lãi, ông Cường đưa cho bị cáo Hậu số tiền là 2.600.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, bị cáo lấy 100.000 đồng để mua rượu và thuốc hút, số còn lại làm rơi mất hết.

Đến ngày 24 tháng 12 năm 2022 bị cáo Hậu mang cái bóp đã lấy trộm trước đó đến nhà bà T nói nhặt được nên đưa lại cho bà T. Khi đó, bà T nghi ngờ bị cáo lấy trộm tài sản nên trình báo sự việc đến cơ quan Công an. Qua đó, bà T xác định trong bóp vải có để số tiền là 3.200.000 đồng và 02 (hai) giấy biên nhận cầm đồ như trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 06/BKL-HĐĐG ngày 02/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Kè kết luận: 02 nhẫn vàng 18kara, loại nhẫn kiểu có hột bằng nhựa màu xanh, tổng trọng lượng vàng là 01 chỉ 04 phân, 03 ly, có giá trị là 5.828.680 đồng và 02 hột nhựa màu xanh, không xác định kích thước được gắn trên nhẫn vàng 18kara, loại nhẫn kiểu, có giá trị là 80.000 đồng. Tổng giá trị tài sản yêu cầu định giá là: 5.908.680 đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS-HS ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng với cáo trạng truy tố bị cáo, bị cáo xác định không bị oan, sai; bị cáo không khiếu nại hay bổ sung gì thêm.

Bị hại bà Trần Thị T trình bày: Bà T đã được cơ quan điều tra cho nhận lại 01 (một) bóp vải có nhiều hoa văn màu đen xanh hồng, có kích thước 8 x 15 cm (đã qua sử dụng); 01 (một) biên nhận cầm đồ của tiệm vàng Thanh Phương. Đối với 02 nhẫn vàng 18kara, loại nhẫn kiểu có hột bằng nhựa màu xanh, tổng trọng lượng vàng là 01 chỉ 04 phân, 03 ly do chủ tiệm vàng ông Giang Bảo C vẫn còn giữ nên bà đến gặp ông Cường thỏa thuận và được ông Cường cho chuộc lại với số tiền gốc là 2.000.000 đồng và lãi phát sinh. Tuy nhiên, về trách nhiệm dân sự bà T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền này; về hình phạt, bà T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giang Bảo C vắng mặt và có lời khai như sau: Ông Cường đã đồng ý mua hết số vàng trong giấy cầm đồ có do bị cáo Hậu bán (lúc cho chuộc vàng không biết tên nhưng sau này mới biết là bị cáo Hậu), sau trừ đi số tiền gốc cầm vàng là 2.000.000 đồng cùng với tiền lãi (không nhớ nhớ số tiền lãi đã trừ) thì ông Cường đã trả cho bị cáo Hậu số tiền 2.600.000 đồng xem như đã mua xong số vàng trên. Tuy nhiên, ông Cường không yêu cầu bị cáo Hậu trả lại số tiền 2.600.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh: Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như sau: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 03 (*ba*) năm cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát giáo dục. Do nghề nghiệp của bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cường không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc bị cáo Hậu phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Văn H không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, vị Đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giang Bảo C có đơn xin xét xử vắng mặt và người làm chứng anh Trần Tuấn T vắng mặt. Xét thấy, ông Giang Bảo C và anh Trần Tuấn T đã có lời khai ở Cơ quan điều tra nên việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Do dó, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Xét hành vi của bị cáo Trần Văn H: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã truy tố cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ ngày 13/11/2022 tại nhà bà Trần Thị T ngụ Ấp Ô, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; bị cáo Trần Văn H phát hiện trên đầu giường ngũ của bà T có một cái bóp vải, màu đen xanh hồng, có nhiều hoa nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm, bị cáo quan sát không ai chú ý nên đã có hành vi lén lút lấy trộm cái bóp nêu trên của bà Thuỷ. Sau khi lấy trộm bị cáo có mở ra xem bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng nhưng lúc đó bị cáo không có đếm kỷ số tiền. Tuy nhiên, có cơ sở số xác định số tiền bà T cất trong bóp là 3.200.000 đồng mà bị cáo lấy trộm là do anh Trần Tuấn T là con của bà T đi làm thuê có được và đã cho bà T cất vào bóp cùng 02 (hai) biên nhận cầm đồ. Sau đó, bị cáo Hậu đem một biên nhận cầm đồ thoả thuận với ông Giang Bảo C là chủ cầm vàng bán số vàng ghi trong giấy cầm đồ được số tiền 2.600.000 đồng (sau khi khấu trừ tiền gốc đã cầm vàng là 2.000.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh). Do đó, xác định tổng số tiền bị cáo đã bà Trần Thị Thuỷ bị chiếm đoạt là 5.800.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số: 06/BKL-HĐĐG ngày 02/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Kè kết luận tổng giá trị tài sản có giá là 5.908.680 đồng. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự về tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, Cáo trạng số 19/CT-VKS-HS ngày 03/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi của bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về tội danh và khung hình phạt.

[3] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Xét thấy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng; hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định và hành vi trên đều hợp pháp.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Chỉ vì bị cáo có tính lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài mà không bỏ công sức ra lao động có được. Với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tại phiên tòa hôm nay người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Ngoài ra, trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chấp hành tốt chính sách pháp luật. Xét thấy, bị cáo có khả năng cải tạo, nên không cần thiết bắt phải bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ điều kiện để răn đe, cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H bằng hình phạt cải tạo không giam giữ là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh kết hợp với gia đình của bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Do nghề nghiệp của bị cáo là làm thuê và không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giang Bảo C không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Hậu phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét bản luận tội của vị Kiểm sát viên kết luận bị cáo Trần Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng

người, đúng tội và đúng pháp luật; mức hình phạt mà vị Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H 02 *(Hai)* năm 06 *(sáu)* tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo Trần Văn H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giang Bảo C không yêu cầu bị cáo Hậu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Ai